

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Tuấn Anh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAI HƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Tuấn Anh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Tuấn Anh

Mã SV:1312401065

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Hương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Hương.
 - ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sử dụng số liệu năm 2016 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Hương.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Hương

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Hương.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Tuấn Anh

ThS. Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khoá luận tốt nghiệp.
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp để hoàn thiện đề tài.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Tác giả đã hệ thống hoá được lý luận cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
- Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp đề xuất gắn với thực tiễn, giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị .

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	2
1.1.2.1 Doanh thu.	2
1.1.2.2. Chi phí.	4
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.	6
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.	7
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	10
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.	10
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.	10
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	13
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	14
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.	14
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.4.2 tài khoản sử dụng	18
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	20
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	20

1.2.5.3 phương pháp hạch toán.	22
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	22
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.6.3.Phương pháp hạch toán.	23
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	25
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	25
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.....	25
1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.....	27
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	28
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hìnhthức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	29
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.	30
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên Máy vi tính.	30
1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Máy vi tính.....	30
1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	32
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG	33
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Mai Hương.....	33
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.	33
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Mai Hương	34
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Mai Hương.....	34
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:	34
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Mai Hương.....	36
2.1.3.3. Tổ chức hạch toán ban đầu.....	36
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	37
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.	38
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Hương.	39
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.....	39

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty.....	39
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	39
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	39
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	39
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Mai Hương.....	48
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán.....	48
2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng.....	48
2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán.....	48
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	54
2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.....	54
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	54
2.2.3.3. Tài khoản kế toán sử dụng.....	54
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	55
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	60
2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	60
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	60
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	60
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	60
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	67
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	67
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	67
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	67
2.2.6.3. Quy trình hạch toán.....	68
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH	
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG.....	78
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Hương.....	78
3.1.1. Ưu điểm.....	78
3.1.2. Bên cạnh những ưu điểm đó, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:.....	79
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Mai Hương.....	80
KẾT LUẬN.....	86

LỜI MỞ ĐẦU

Bước vào sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường khi Việt Nam gia nhập vào các tổ chức kinh tế thế giới như: WTO, APEC... đã mang lại những thuận lợi, khó khăn nhất định cho các doanh nghiệp Việt Nam. Với các chính sách mở cửa cho đầu tư nước ngoài, xóa bỏ hàng rào thuế quan... đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lớn mạnh nước ngoài thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, việc hội nhập nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới đã thúc đẩy nền kinh tế trong nước, giúp doanh nghiệp có cơ hội thể hiện mình trên trường thế giới. Bên cạnh đó nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào là những điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp Việt Nam có những cơ hội phát triển để cạnh tranh trong thị trường. Vì vậy doanh nghiệp muốn tồn tại và tăng khả năng cạnh tranh thì phải biết nắm bắt cơ hội và tận dụng những nguồn lực đang có.

Công ty TNHH Mai Hương là một công ty chuyên gia công, sản xuất các loại giấy dép..... Do đó quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, cùng với những kiến thức đã học ở trường, qua thời gian tìm hiểu thực tế hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy kế toán tại công ty TNHH Mai Hương, với sự hướng dẫn của Th.s Ninh Thị Thùy Trang, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán của công ty với đề tài: ***“Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Mai Hương”*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

- * **Chương 1:** *Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*
- * **Chương 2:** *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Hương.*
- * **Chương 3:** *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Hương.*

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa là điều kiện quyết định cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông qua bán hàng, thì giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm hàng hoá đó được thực hiện, hàng hoá chuyển từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ), giúp cho vòng luân chuyển vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Điều này có ý nghĩa rất to lớn đối với nền kinh tế nói chung và đối với bản thân toàn doanh nghiệp nói riêng. Quá trình bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ cân đối sản xuất giữa các ngành, các đơn vị sản xuất trong từng ngành và đến quan hệ cung cầu trên thị trường. Nó còn đảm bảo cân đối giữa tiền và hàng trong lưu thông, đảm bảo cân đối sản xuất giữa ngành, các khu vực trong nền kinh tế quốc dân. Đối với các doanh nghiệp thương mại, thì việc bán hàng có ý nghĩa rất to lớn, bán hàng mới có thể đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bù đắp được chi phí đã bỏ ra. Bất kỳ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, với các doanh nghiệp thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.2 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2.1 Doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu

được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hoá...bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- *Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- *Giảm giá hàng bán:* là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy.

- *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)

- Cổ tức, lợi nhuận được chia..

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

- **Thu nhập khác:**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, bao gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. *Chi phí.*

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động SXKD hoặc 1 chu kỳ nhất định (tháng, quý, năm) thực chất chi phí bằng sự chuyển dịch vốn ,giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá như (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ)

Các loại chi phí:

- **Giá vốn hàng bán:** là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ; các chi phí liên quan đến các hoạt động kinh doanh, đầu tư bất động sản như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 “Hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền:* giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho

được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

- **Chi phí quản lý kinh doanh**: Là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.
- **Chi phí hoạt động tài chính**: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...
- **Chi phí khác**: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:
 - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
 - Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
 - Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
 - Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
 - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:
 - + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
 - + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.
 - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:
 - + Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;
 - + Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.
- + **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.
- + **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác
- + **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.
- + **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:** là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và hoạch toán theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được tính toán chính xác, hợp lý, kịp thời và hoạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, dịch vụ trong từng hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động khác. Kế toán phải theo dõi, giám sát và phản ánh các khoản doanh thu chi phí của hoạt động trong kỳ kế toán.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, có 4 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: doanh thu bán hàng hóa.
- + Tài khoản 5112: doanh thu bán các thành phẩm.
- + Tài khoản 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ.
- + Tài khoản 5118: doanh thu khác.

- Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”, có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Nội dung và kết cấu tài khoản 511 và 521:

Tài khoản 511

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp.- Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.- Trị giá hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại.- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.-	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thực tế phát sinh trong kỳ.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

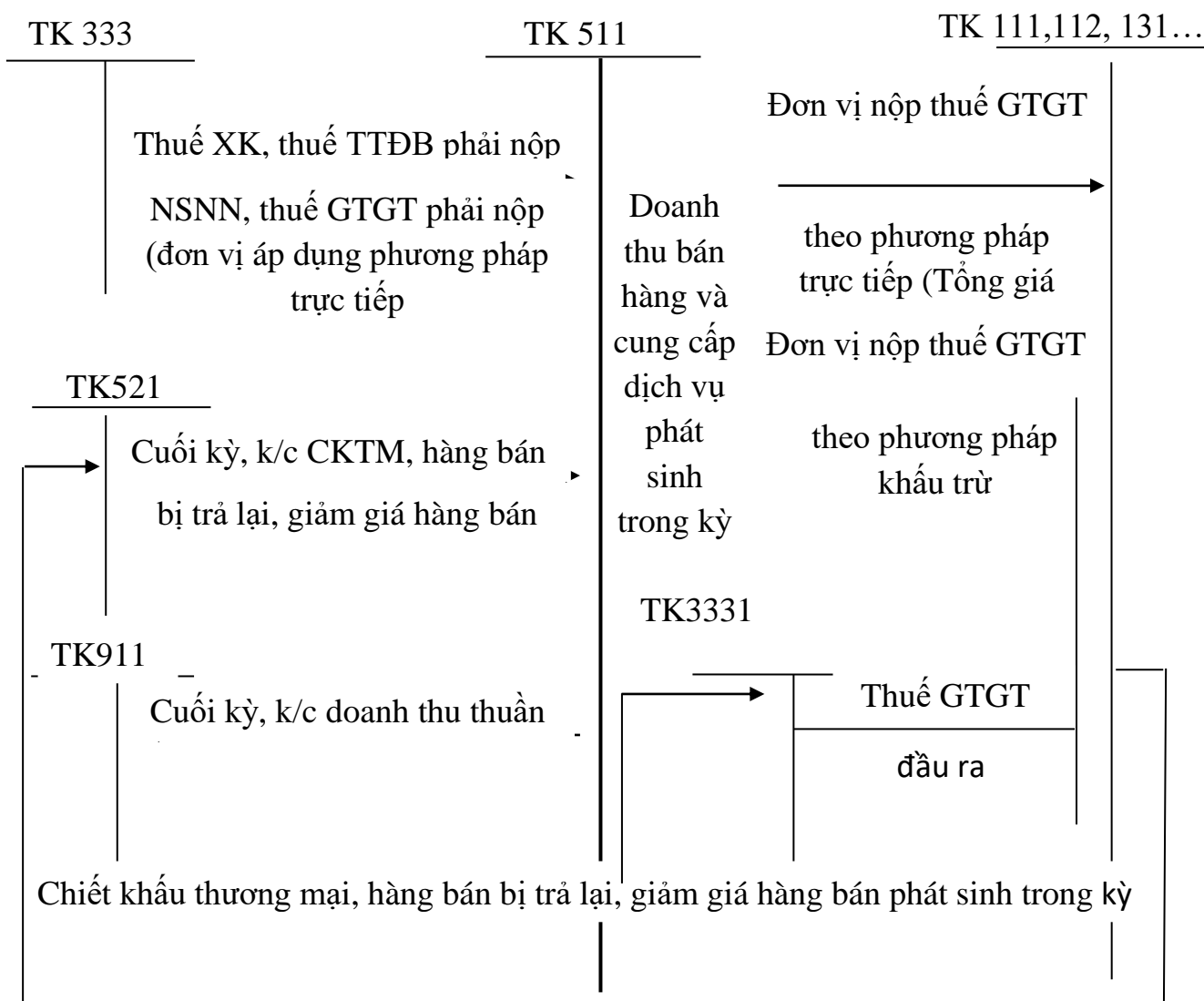
Tài khoản 521

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm đã được bán.- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.-	<ul style="list-style-type: none">- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

- **Tài khoản 632 – giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

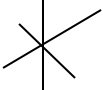
Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư. . .

- **Kết cấu tài khoản 632**

A. Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

<p>hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - 	
--	---

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ. - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư. - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ. - Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ. - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

B. Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

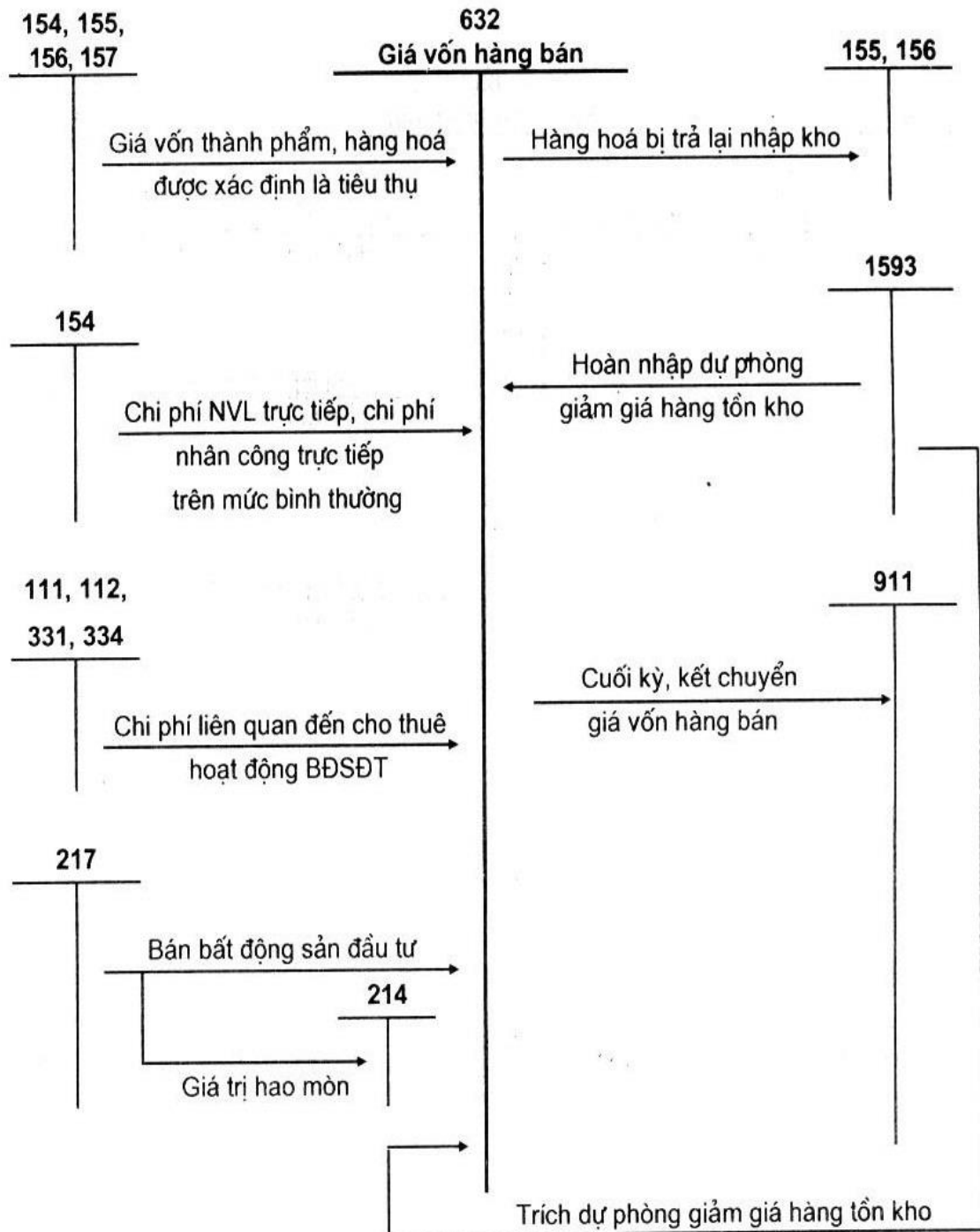
.- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

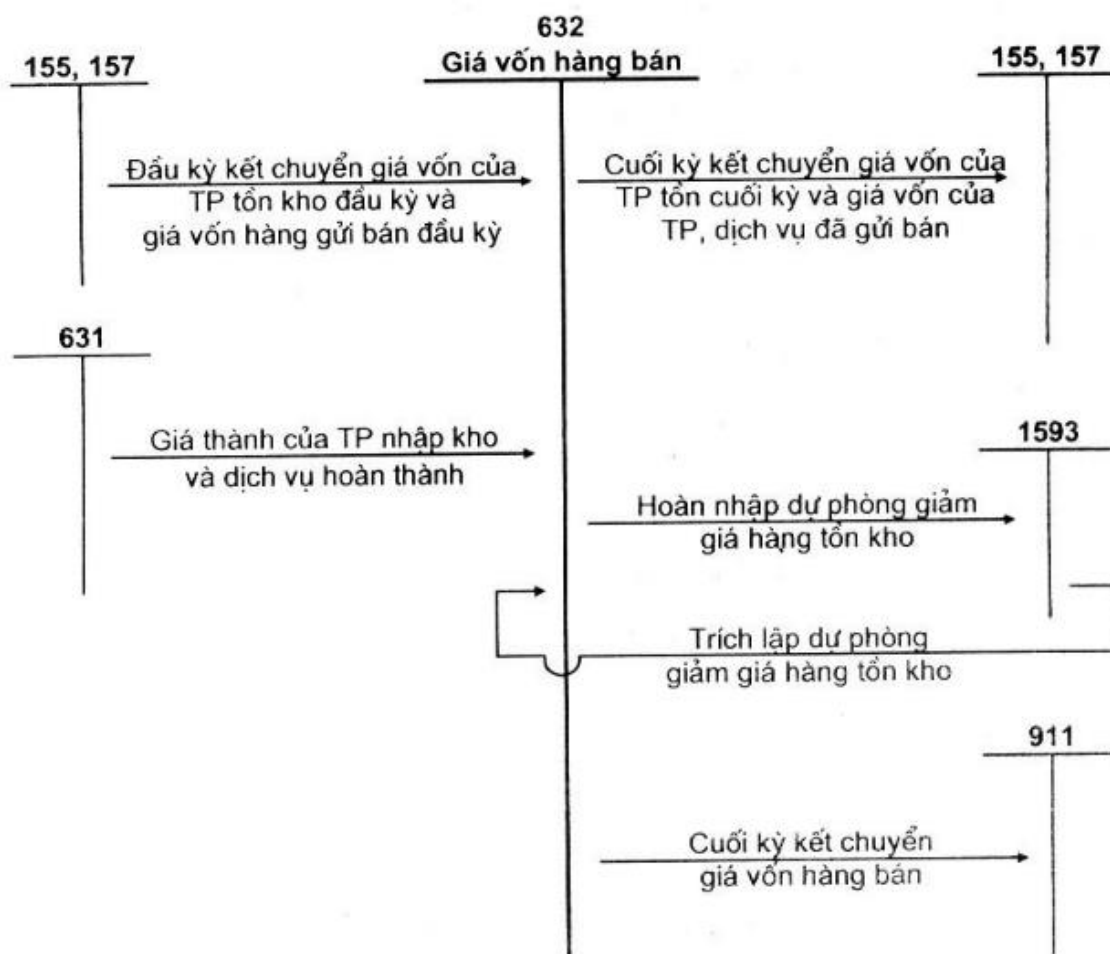
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2 – sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3 hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

• Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 515**

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,... - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

• **Tài khoản 635 – chi phí tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

- **Kết cấu tài khoản 635**

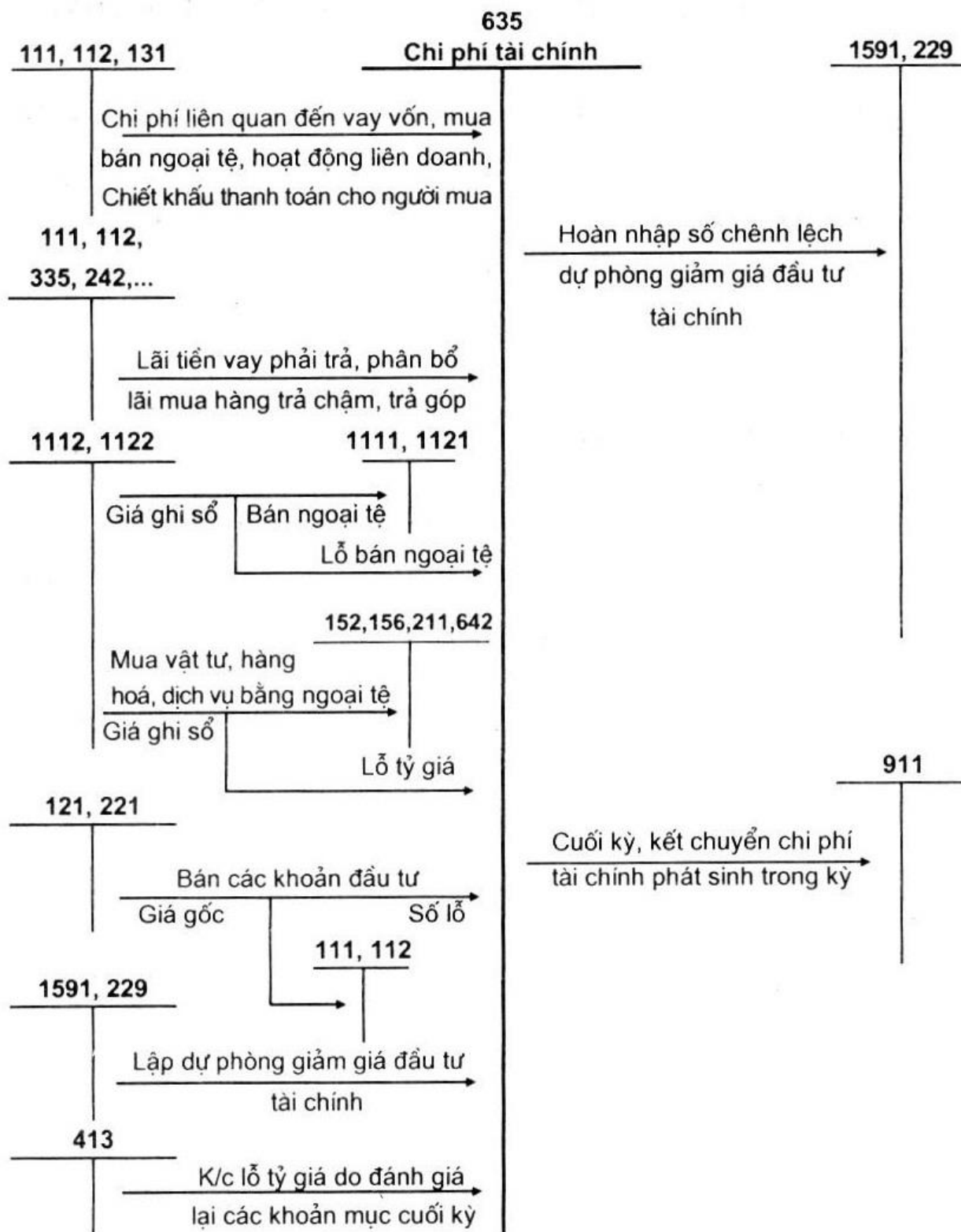
Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa

<ul style="list-style-type: none">- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	<ul style="list-style-type: none">- sử dụng hết);- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
--	---

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, giấy báo Nợ, phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2 tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 642 - chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

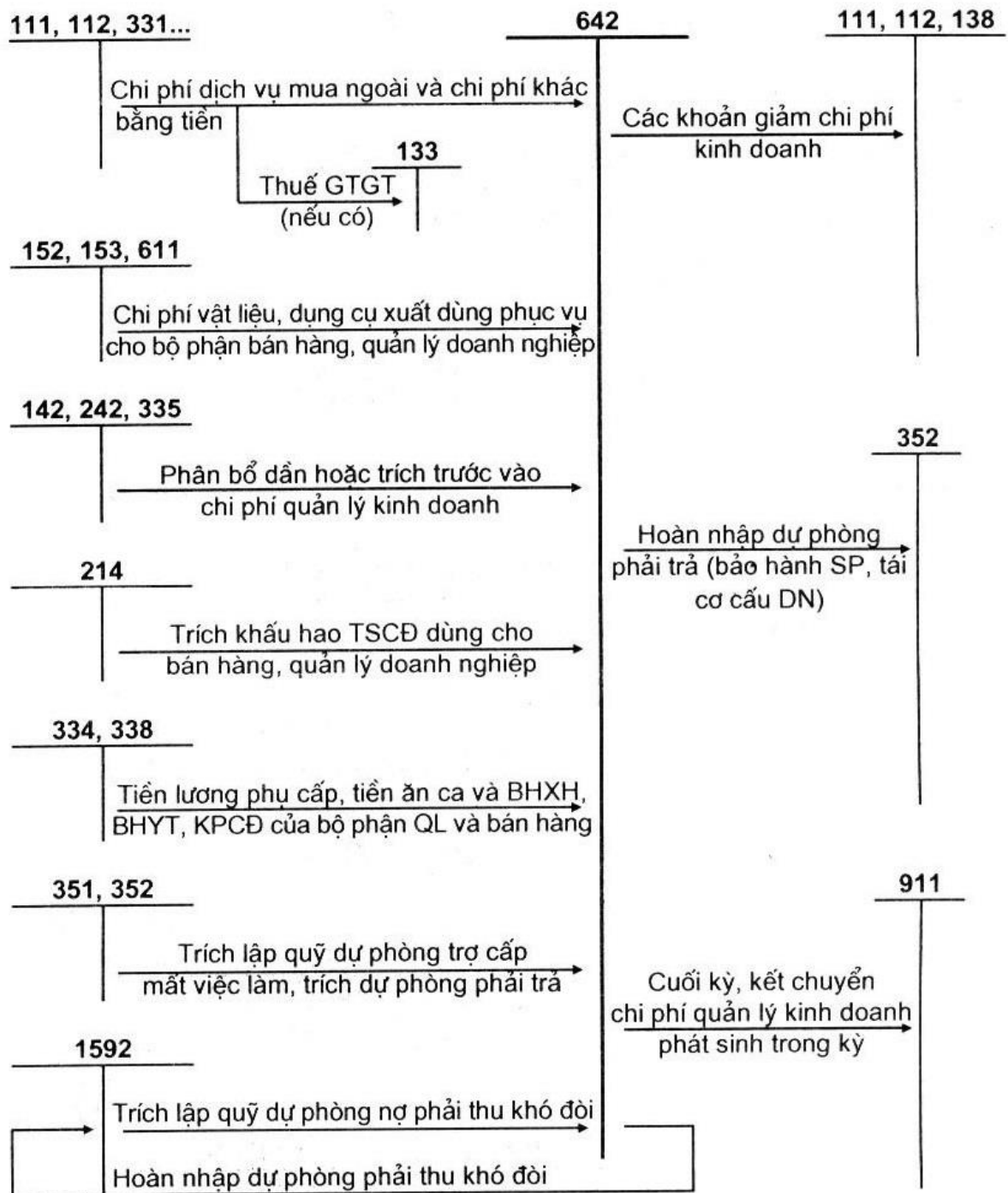
- Kết cấu tài khoản 642

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5 sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định.
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;

- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

- Kết cấu tài khoản 711

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

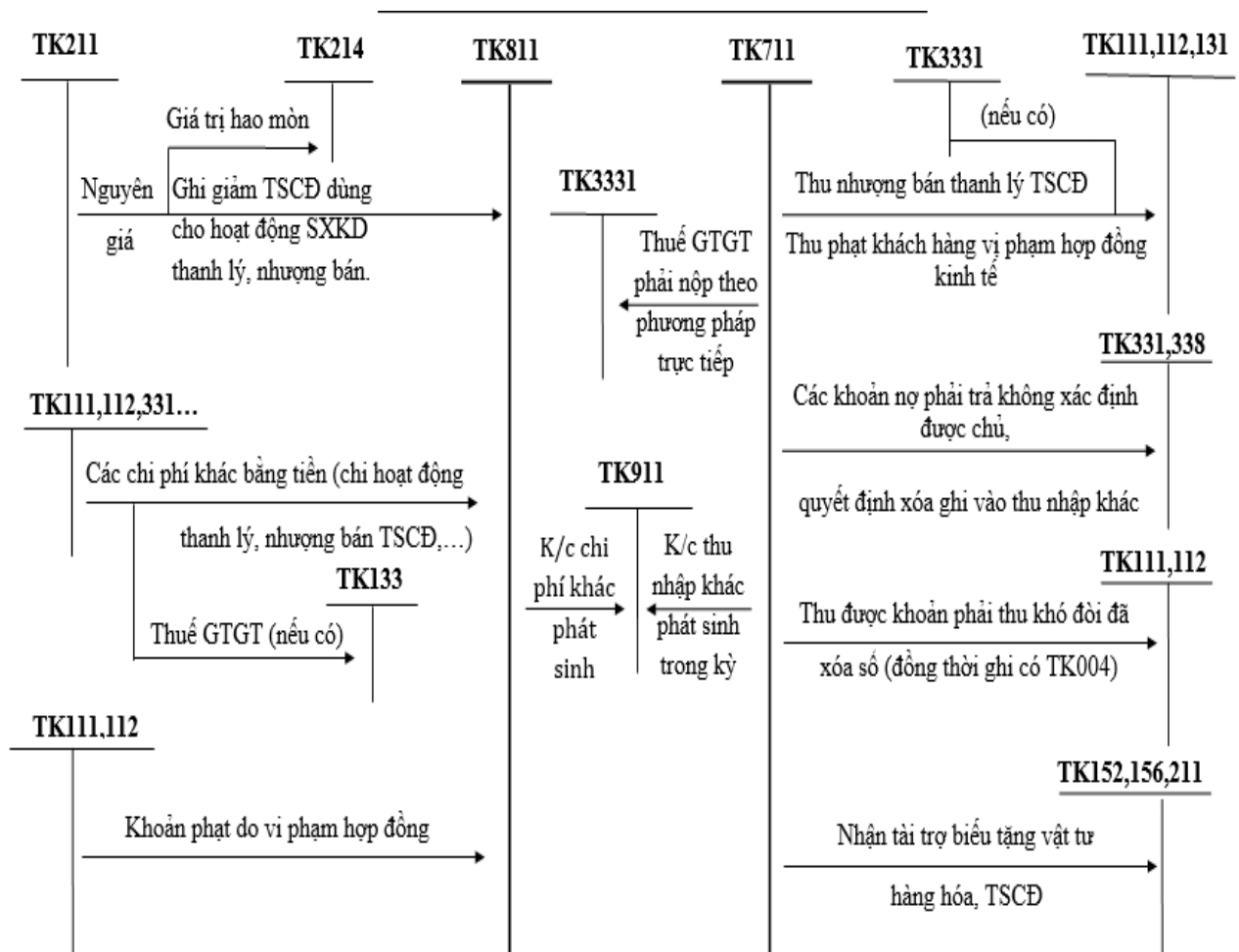
• Tài khoản 811: chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.2.5.3 phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6:



Sơ đồ 1.6 – Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

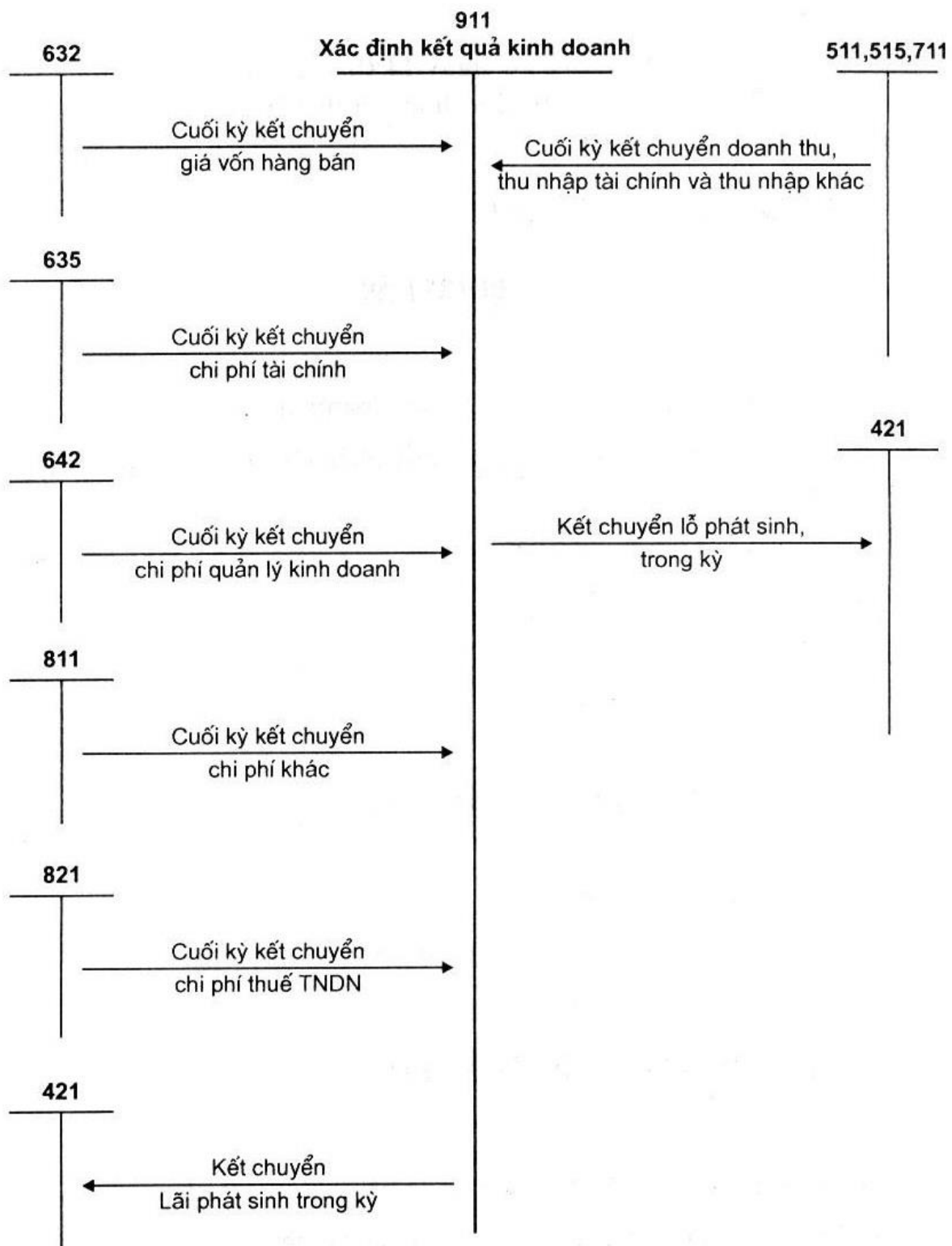
- **Kết cấu tài khoản 911**

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;- Kết chuyển lãi.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7 – sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

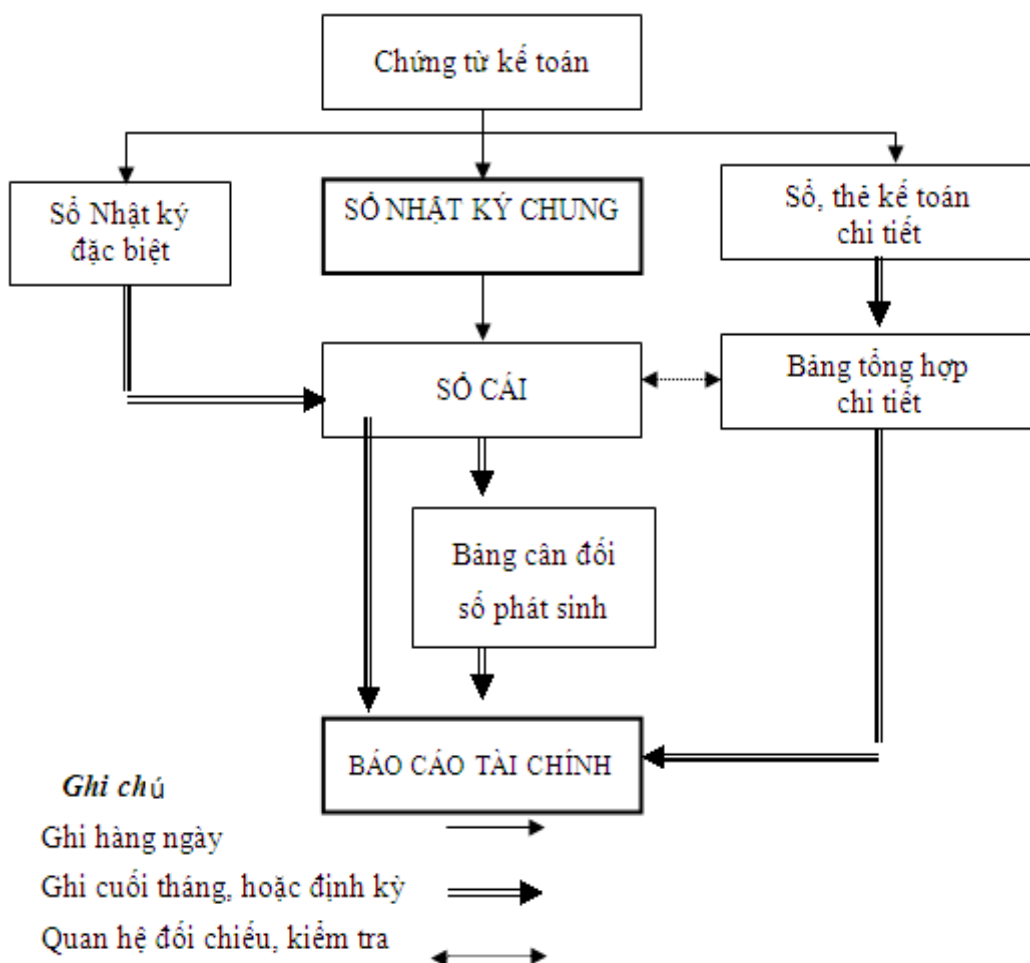
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào

các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Sơ đồ 1.8 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

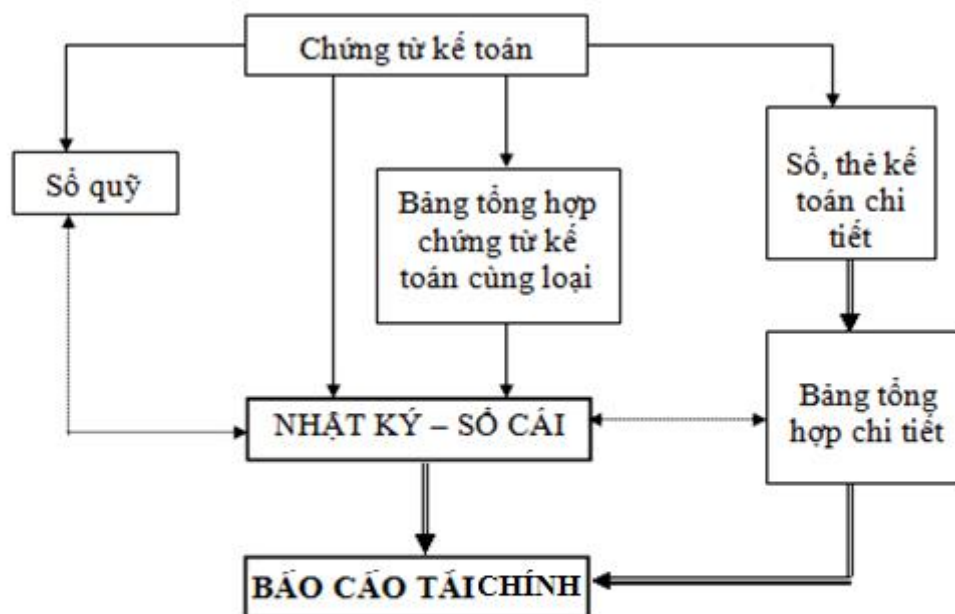
- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký-Sổ cái.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

Sơ đồ 1.9 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

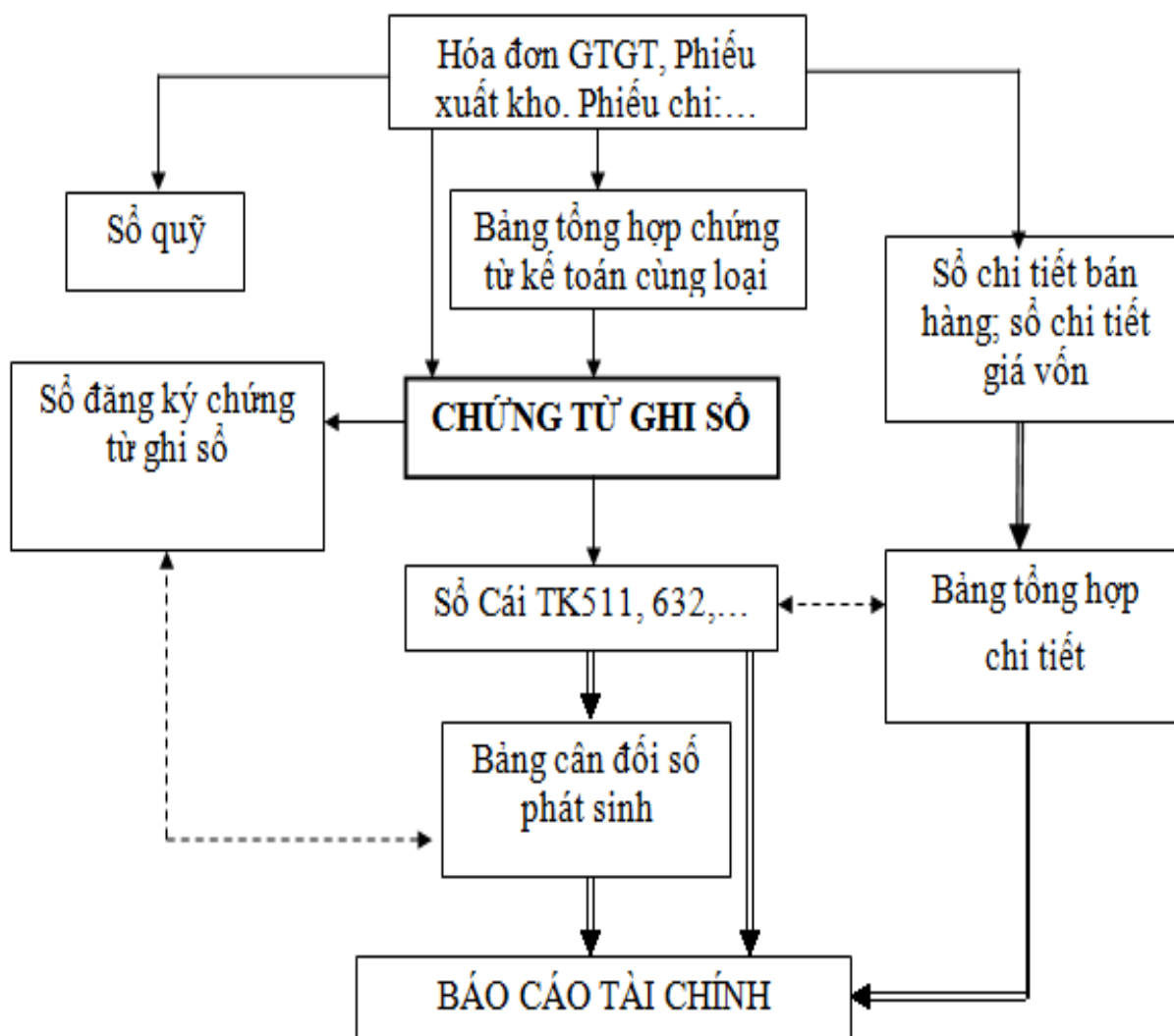
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Sơ đồ: 1.10 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên Máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Máy vi tính.

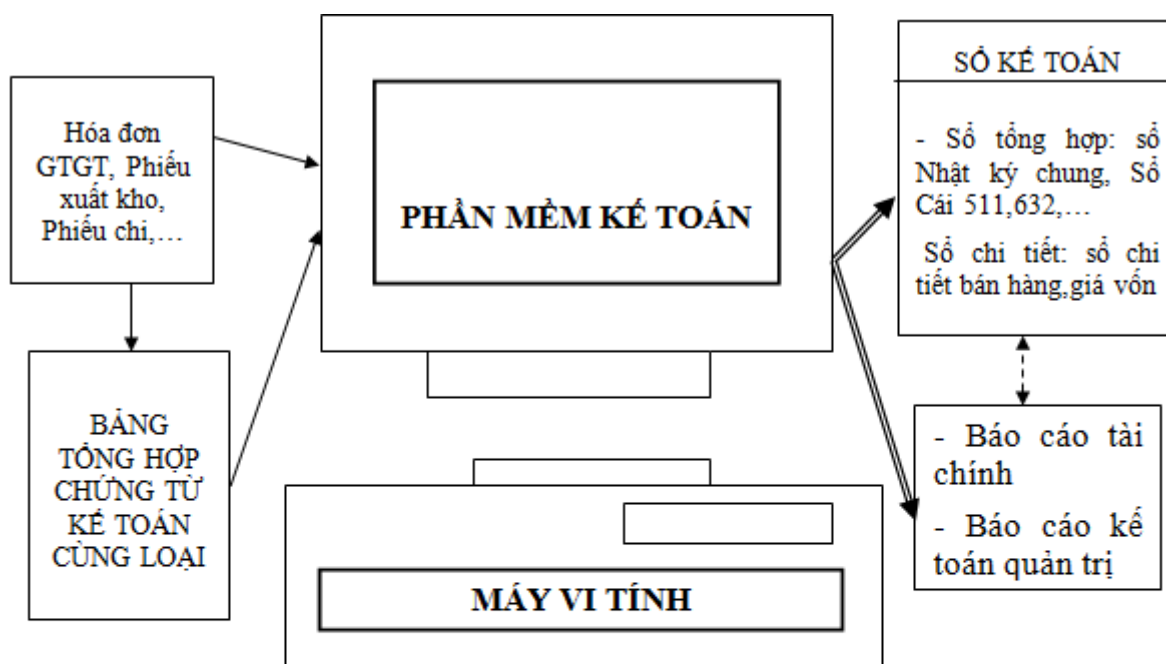
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày : →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm : ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra : ⇄

1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC. Theo Điều 1 (Đối tượng áp dụng) của thông tư 200, thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư này để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình. Sau đây em xin nêu một số điểm khác biệt giữa thông tư 200 và quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: thông tư 200 bỏ phương pháp nhập sau xuất trước và bổ sung 1 kỹ thuật mới xác định giá trị hàng tồn kho đó là phương pháp giá bán lẻ.

- Về hình thức kế toán: theo thông tư 200, tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán và biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

- Về tài khoản kế toán:

- khi hạch toán các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, theo Thông tư 200 kế toán sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng và TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp trong khi theo Quyết định 48 thì 2 khoản chi phí này được theo dõi trên TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh
- khi hạch toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo Quyết định 48 kế toán sử dụng TK 159 - Các khoản dự phòng nhưng ở Thông tư 200 bỏ TK 159 và hạch toán các khoản dự phòng trên TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Mai Hương.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Tên công ty: Công ty TNHH MAI HƯƠNG.

Tên giao dịch: MAI HUONG CO.LTD

Trụ sở giao dịch: thôn Kiêu Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương, Hải Phòng.

Cơ sở sản xuất: thôn Kiêu Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương, Hải Phòng.

Điện thoại: **(031) 3670008**

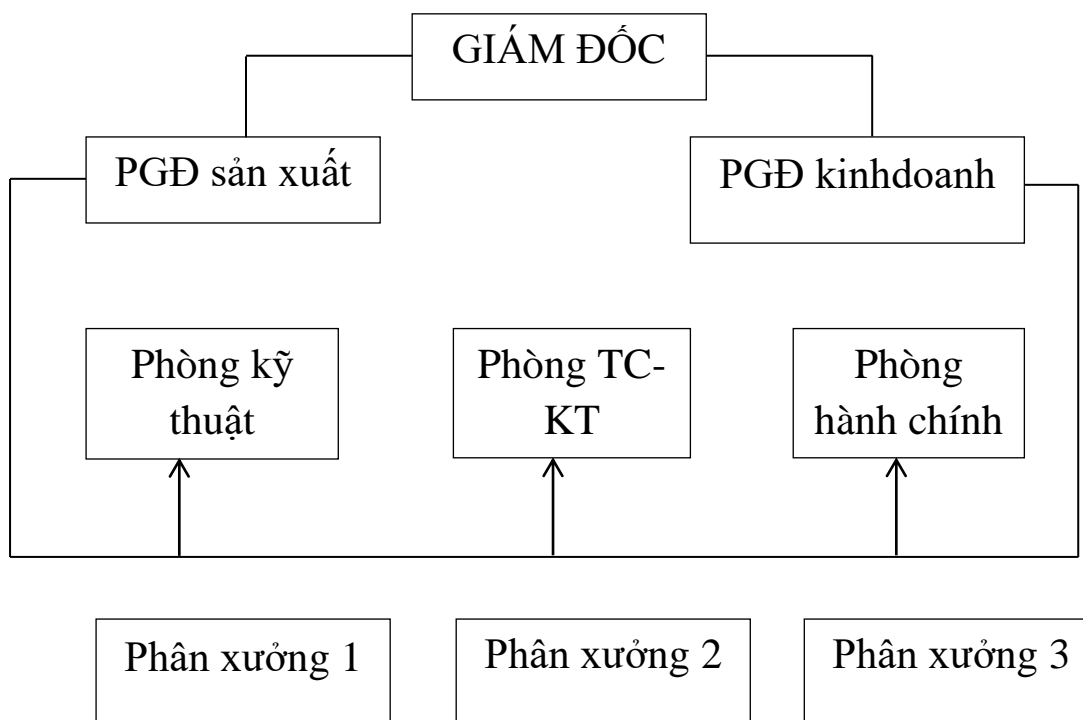
Số fax: **(031) 3670006**

Công ty TNHH MAI HƯƠNG được thành lập vào ngày 20/12/2002.

Đăng ký kinh doanh số 0200504607 do UBND HUYỆN AN DƯƠNG cấp.

Công ty TNHH MAI HƯƠNG là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động dưới sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước huyện an dương, hơn 14 năm thành lập và phát triển cũng là bằng chứng đầy thời gian của công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trước sự cạnh tranh khốc liệt trên thương trường. Với sự xuất phát điểm không mấy thuận lợi, vốn điều lệ ban đầu thấp, trong khi đó ngành kinh doanh da giày, luôn tồn tại nhiều đối thủ cạnh tranh lớn. Nhưng với lòng quyết tâm và ý chí sáng tạo của ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên, công ty đã không ngừng phát triển để hoàn thiện mình. Xuất phát từ việc tìm hiểu thực tế nhu cầu tiêu thụ giày ở thị trường, công ty đã mạnh dạn trang bị máy móc hiện đại, đưa công nghệ xích lại với thời trang, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng. Hiện nay thị phần của công ty trên thị trường đã tương đối ổn định, được bạn hàng tín nhiệm. Hiện nay công ty đang nỗ lực để mở rộng thị trường tiêu thụ ra một số khu vực khác.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Mai Hương



Hình 2.1: sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty.

- Ban giám đốc
- Phòng kỹ thuật
- Phòng tài chính kế toán
- Phòng hành chính
- 3 xí nghiệp trực thuộc

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Mai Hương

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

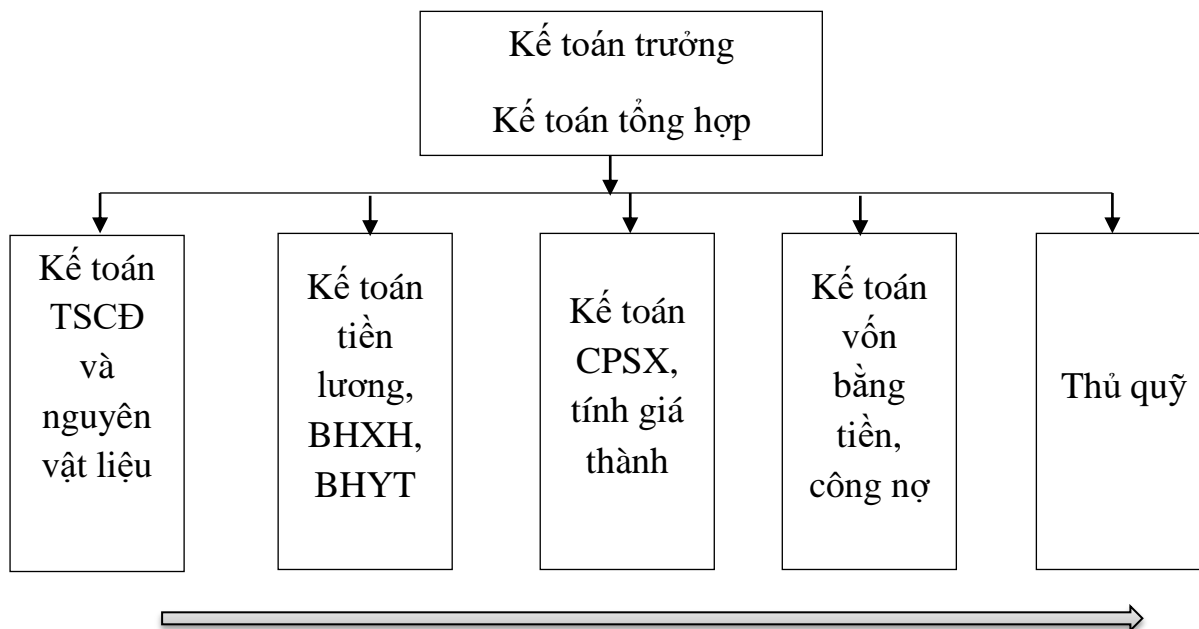
Công ty giấy Mai Hương tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, phòng kế toán của công ty thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty. Tại các xí nghiệp thành viên bố trí các nhân viên hạch toán tiến hành công tác hạch toán ban đầu, thu thập chứng từ và ghi chép sổ sách một cách đơn giản để chuyển về phòng kế toán. Cuối tháng, phòng kế toán nhận chứng từ và báo cáo chi tiết để tiến hành công việc kế toán.

Sơ đồ: Bộ máy kế toán

Chú thích:

— Quan hệ chỉ đạo

⇒ Quan hệ đối chiếu số liệu



Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán.

Phòng kế toán chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính trong toàn doanh nghiệp. Các đơn vị cấp dưới không có tổ chức kế toán riêng mà chỉ có nhân viên làm nhiệm vụ hạch toán ban đầu, thu nhận, kiểm tra và định kỳ gửi các chứng từ về phòng kế toán. Hoặc cũng có trường hợp các đơn vị cấp dưới trở thành đơn vị hạch toán ban đầu theo chế độ báo sổ và định kỳ gửi các sổ theo chế độ báo sổ này về Phòng kế toán. Phòng kế toán tổ chức hệ thống sổ tổng hợp và chi tiết để xử lý, ghi chép toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, lập báo cáo kế toán và cung cấp thông tin cho hoạt động quản lý toàn doanh nghiệp.

Ưu điểm: Số liệu kế toán được tập trung, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo toàn đơn vị, tất cả các công việc kế toán tập trung chủ yếu ở văn phòng trung tâm nên tránh được tình trạng báo cáo sai lệch về tình hình sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

Nhược điểm: Khối lượng công tác kế toán ở Phòng kế toán trung tâm nhiều và công kênh, Các đơn vị phụ thuộc không có thông tin cho chỉ đạo nghiệp vụ ở đơn vị.

Điều kiện vận dụng: Áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý trên địa bàn tập trung.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Mai Hương.

- Chế độ kế toán mà công ty đang sử dụng : quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 1/1 kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ
- kê khai và tính thuế VAT: theo phương pháp khấu trừ.
- Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính khấu hao: phương pháp đường thẳng.
- Giá vốn hàng xuất kho: phương pháp bình quân liên hoàn.

2.1.3.3. Tổ chức hạch toán ban đầu.

- Khái quát hệ thống chứng từ áp dụng tại Công ty:
 - + Danh mục chứng từ áp dụng:
 - Chứng từ lao động tiền lương: bảng chấm công; bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng kê trích nộp các khoản theo lương.
 - Chứng từ tiền tệ: phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng.
 - Chứng từ TSCĐ: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
 - Chứng từ hàng tồn kho: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ. Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa, bảng kê mua hàng.

- Chứng từ bán hàng: hóa đơn GTGT 3 liên.

+ Quy định chung của Công ty về lập và luân chuyển chứng từ: công tác lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại Công ty Mai Hương được áp dụng theo những quy định chung của quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Về lập chứng từ kế toán: chứng từ kế toán chỉ lập một lần cho một nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh. Nội dung chứng từ kế toán phải đầy đủ các chỉ tiêu, phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh. Chứ viết trên chứng từ phải rõ ràng, không tẩy xóa, không viết tắt. Chứng từ kế toán phải lập đủ số liên theo quy định cho mỗi chứng từ.

Về trình độ tự luân chuyển chứng từ: tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung về phòng kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán bao gồm những bước sau:

B1: Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán.

B2: Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán hoặc trình giám đốc Công ty ký duyệt.

B3: Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán.

B4: Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

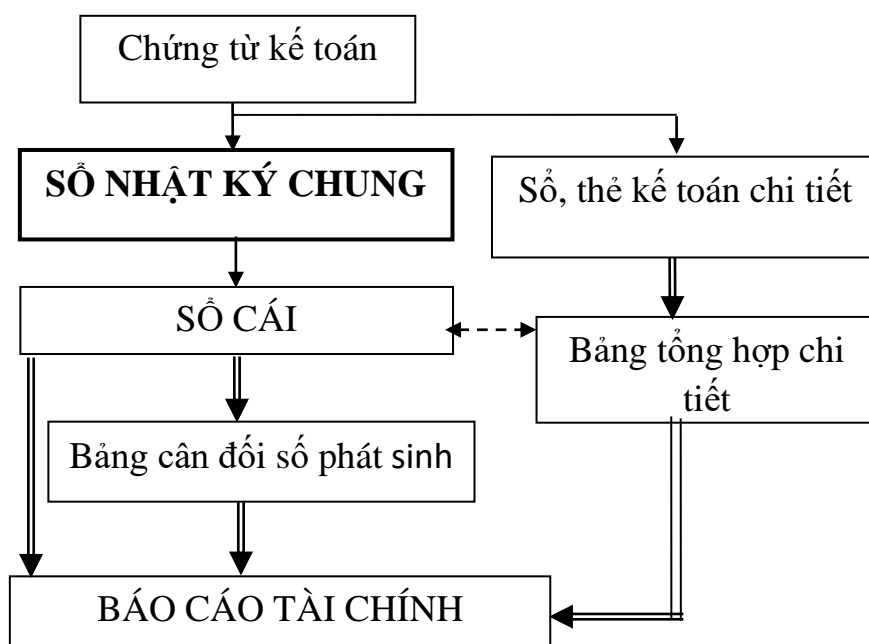
Các sổ kế toán chi tiết: sổ chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa, thẻ kho, sổ TSCĐ, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, sổ chi tiết tiền gửi, tiền vay,...

So sánh sổ kế toán của Công ty với chế độ kế toán hiện hành:

Về số lượng sổ: đầy đủ và phù hợp với chế độ kế toán hiện hành cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Về mẫu sổ: được áp dụng theo chế độ kế toán hiện hành.

Phương pháp ghi chép: tuân thủ theo trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung được quy định trong chế độ kế toán hiện hành.



Sơ đồ 2.3 – Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty

Chú thích:

Hàng ngày: →

Cuối tháng hoặc định kỳ: ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Lập báo cáo tài chính là một công việc quan trọng với mỗi doanh nghiệp. Báo cáo tài chính trình bày một cách tổng quát, toàn diện thực trạng tài sản, nguồn vốn, công nợ, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ kinh doanh. Tại công ty giấy Mai Hương, công việc này được giao cho kế toán tổng hợp vào cuối mỗi năm. Với các số liệu đã tập hợp được cùng với báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ trước, kế toán tổng hợp lập ra 4 bản báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Bảng cân đối kế toán.

+ Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

+ Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Hương.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty.

Doanh thu công ty có được từ việc gia công, sản xuất giày dép, từ các hoạt động kinh doanh ,...

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, giày, dép... là nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, do là mặt hàng thiết yếu, số lượng người tiêu dùng lớn nên có nhiều các công ty, nhà xưởng cạnh tranh gay gắt dẫn đến thu hẹp thị phần.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.

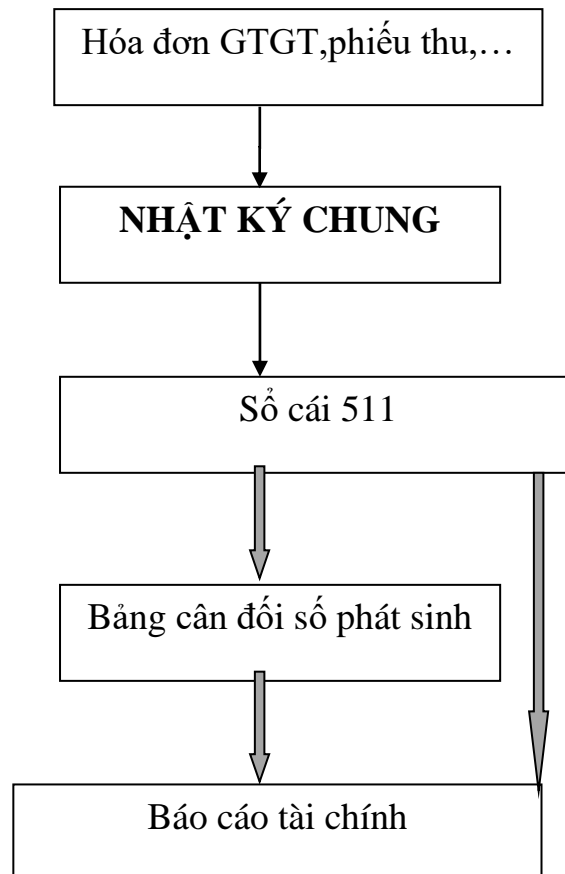
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu xuất, giấy báo có,...
- Các chứng từ liên quan.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.

- TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các TK liên quan khác: 515,333,632,642....

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Theo sơ đồ:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Mai Hương

Ví dụ 1: Ngày 06/12/2016 Công ty bán cho công ty TNHH Vỹ Thành 1050 đôi giày da, với đơn giá 500.000đ/đôi (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản:	Nợ TK 112:	577.500.000
	Có TK 511:	525.000.000
	Có TK 3331:	52.500.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0002468 (**Biểu số 2.1**), Giấy báo có 06/12 (**biểu số 2.2**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 2.5**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**Biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN		Mẫu số: : 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/16P			
Liên 3: nội bộ		Số: 0002468			
Ngày 06 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Mai Hương					
Mã số thuế:0200504607					
Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng					
Điện thoại:(031)36 7008					
Số tài khoản: 1100098436					
Họ tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty TNHH Vỹ Thành					
Mã số thuế: 0201289134					
Địa chỉ: Thôn Kiều Trung, Xã Hồng Thái , Huyện An Dương , Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK số tài khoản: 10121000567					
Stt	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Giày da	đôi	1050	500.000	525.000.000
Cộng tiền hàng					525.000.000
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT		52.500.000
Tổng tiền thanh toán					577.500.000
Số tiền bằng chữ: năm trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng./.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký,ghi rõ họ tên)		(ký,ghi rõ họ tên)		(ký,ghi rõ họ tên)	

Biểu Số 2.1- Hóa đơn GTGT 0002468

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

SHB

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Số LPSF121216562170

GIẤY BÁO CÓ/ CREDIT SLIP

Ngày 06/12/2016

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG

Tên tài khoản: công ty TNHH Mai Hương

Số tài khoản: 1100096436

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Tên tài khoản: Công ty TNHH Vỹ Thành

Số tài khoản: 0201289134

Số tiền bằng chữ: năm trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng ./

Nội dung: Công ty TNHH Vỹ Thành trả tiền hàng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.2 Giấy báo có ngày 06/12/2016. Ngân hàng SHB

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Ví dụ 2: Ngày 07/12/2016 bán cho công ty TNHH LICHİ 50 đôi giày vải, với đơn giá 320.000đ/đôi (chưa có VAT 10%). Đã thu bằng tiền mặt.

Định khoản: Nợ TK 111: 17.600.000

Có TK 511: 16.000.000

Có TK 3331: 1.600.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0002470 (**biểu số 2.4**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 2.5**) từ nhật kí chung vào sổ cái (**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN		Mẫu số: : 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/16P			
Liên 3: nội bộ		Số: 0002470			
Ngày 07 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Mai Hương					
Mã số thuế:0200504607					
Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng.					
Điện thoại:(031)36 7008					
Số tài khoản: 1100098436					
Họ tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty TNHH LICHI.					
Mã số thuế: 1000903449					
Địa chỉ: Thôn Kiều Trung, Xã Hồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: TM số tài khoản:					
Stt	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Giày vải	đôi	50	320.000	16.000.000
Cộng tiền hàng					16.000.000
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT			1.600.000
Tổng tiền thanh toán:					17.600.000
Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng./.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký,ghi rõ họ tên)		(ký,ghi rõ họ tên)		(ký,ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.4 Hóa đơn GTGT 0002470

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Mẫu số:01- TT

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái,AD, HP

(Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 07 tháng 12 năm 2016

Số: 17/12

Nợ TK 111: 17.600.000

CóTK 511: 16.000.000

Có TK 3331: 1.600.000

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH LICHI.

Địa chỉ: Thôn Kiều Trung, Xã Hồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

Về khoản: Thanh toán 50 đôi giày vải ngày 07/12/2016

Số tiền: 17.600.000

Bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng./.

Ngày 07 tháng 12 năm 2016

Thủ quỹ

Người nhận tiền

(Ký,ghi rõ họ tên)

(Ký,ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): : Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng./.

Giám đốc

Koán trưởng

Người lập phiếu

(Ký,ghi rõ họ tên)

(Ký,ghi rõ họ tên)

(Ký,ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3- Phiếu thu 17/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ: Kiều Đông, Hồng Thái, AD, HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
				
PXK02/12	06/12	Xuất kho thành phẩm giao cho Cty TNHH Vỹ Thành	632 155	472.500.000	472.500.000
GBC06/12 (HDGTGT 0002468)	06/12	Bán 1050 đôi giày da cho Công ty TNHH Vỹ Thành	112 511 3331	577.500.000	525.000.000 52.500.000
HĐGTGT 0002469	06/12	Mua máy in của Công ty TNHH Hòa Phát giao cho văn phòng kế toán	242 133 331	8.250.000	7.500.000 750.000
				
PT 07/12 (HDGTGT 0002470)	07/12	Bán cho Công ty TNHH LICHI 50 đôi giày vải.	111 511 3331	17.600.000	16.000.000 1.600.000
				
		Cộng số phát sinh		200.474.771.277	200.474.771.277

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5 – Trích sổ nhật ký chung.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ cái 511

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, AD,HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản :511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
SH	NT			ĐƯ	Nợ
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....
HD	06/12	Bán cho Công ty	112		525.000.0000
GTGT		TNHH Vỹ Thành			
0002468		1050 đôi giày da			
				
HD	07/12	Bán cho Công ty	111		16.000.000
GTGT		TNHH LICH150			
0002470		đôi giày vải			
				
				
		Cộng số phát sinh		39.966.346.542	39.966.346.542
		số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

Koán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6 sổ cái TK 511 (trích)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Mai Hương.

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh muốn đem lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp thì phải quản lý chặt chẽ vốn kinh doanh, sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn của doanh nghiệp. Muốn vậy doanh nghiệp phải xác định được một cách chính xác nhất các khoản chi phí chi ra. Giá vốn hàng bán là một trong những khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp.

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

Đơn giá xuất kho của HTK

$$= \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng.

- * Chứng từ kế toán sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Biên bản bàn giao.
 - Các chứng từ liên quan khác.

- * Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.
 - Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các TK có liên quan khác.
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 632

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán.

Ví dụ 3 (nối tiếp ví dụ 1) Ngày 06/12/2016 Công ty bán cho công ty TNHH Vỹ Thành 1050 đôi giày da, với đơn giá 500.000đ/đôi (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Định khoản giá vốn:

Nợ TK 632: 477.540.000

Có TK 156: 477.540.000

Căn cứ phiếu xuất kho ngày 07/12 (biểu số 2.7). Ghi sổ nhật ký chung (biểu mẫu số 2.9). Sổ cái TK 632 (biểu mẫu số 2.10)

Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền như sau:

- Tồn đầu tháng 12/2016 mặt hàng giày da là 950 đôi. đơn giá là 450.000đ/đôi.
thành tiền: $950 \times 450.000 = 427.500.000đ$.

ngày 2/12 Nhập kho 300 đôi giày da từ phân xưởng với giá thành 470.000đ/đôi.

Ngày 06/12 bán cho công ty TNHH Vỹ Thành 1050 đôi với đơn giá xuất kho tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{427.500.000 + 470.000 \times 300}{950 + 300} = 454.800 \text{ đ}$$

$$\text{Trị giá xuất kho} = 1050 \times 454.800 = 477.540.000 \text{ đ}$$

Ví dụ 4 (tiếp ví dụ 2)

Ngày 07/12/2016 bán cho công ty TNHH LICHY 50 đôi giày vải, với đơn giá 320.000đ/đôi (chưa có VAT 10%). Đã thu bằng tiền mặt.

Định khoản giá vốn:

Nợ TK 632: 13.500.000

Có TK 156: 13.500.000

Căn cứ phiếu xuất kho số 08/12 (biểu mẫu số 2.8), ghi sổ Nhật ký chung (biểu mẫu số 2.9) và sổ cái TK632 (biểu mẫu số 2.10)

- Tồn đầu tháng 12/2016 là 850 đôi, đơn giá 270.000đ/đôi.

Từ ngày 01/12 đến ngày 06/12 không có nghiệp vụ nào liên quan đến giày vải. như vậy đơn giá xuất kho 50 đôi giày vải cho Công ty TNHH LICHİ là 270.000đ/đôi.

Trị giá xuất ngày 07/12 = 270.000 x 50 = 13.500.000 đ.

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Số:PX07/12 Nợ TK 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Phạm Minh Đức

Địa chỉ: Công ty TNHH Vỹ Thành

Lý do xuất kho: xuất bán

Xuất tại kho: số 1

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực Xuất		
1	Giày da		đôi	1050	1050	454.800	477.540.000
	Cộng						477.540.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Bôn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng./.*

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7 phiếu xuất kho 07/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 12 năm 2016

Số:PX08/12 Nợ TK 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng: Phạm Minh Đức

Địa chỉ: Công ty TNHH LICHI.

Lý do xuất kho: xuất bán.

Xuất tại kho: số 2

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực Xuất		
1	Giày Vải		Đôi	50	50	270.000	13.500.000
	Cộng						13.500.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng./.

Ngày 07 tháng 12 năm 2016

*Người lập
phiếu*

(Ký, họ tên)

*Người nhận
hàng*

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu đồ số 2.8 phiếu xuất kho 08/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ: Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
				
PX07/12	06/12	Xuất kho 1050 đôi giày da cho Công ty TNHH Vỹ Thành.	632 156	477.540.000	477.540.000
PX08/12	07/12	Xuất kho 50 đôi giày vải bán Công ty TNHH LICHİ	632 156	13.500.000	13.500.000
				
UNC28	13/12	Chi toán tiền mua văn phòng phẩm	6422 133 112	5.000.000 500.000	5.500.000
				
		Cộng số phát sinh		200.474.771.277	200.474.771.277

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9 Trích sổ nhật ký chung.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ cái.

Mẫu số S03b-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, AD, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 632- giá vốn hàng bán

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
PX07/12	06/12	Xuất kho 1050 đôi giày da cho Cty Vỹ Thành.	156	477.500.000	
PX08/12	07/12	Xuất kho 50 đôi giày vải cho Cty LICHI.	156	13.500.000	
				
PKT26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		31.654.265.416
		Cộng số phát sinh		31.654.265.416	31.654.265.416
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10 Trích sổ cái TK 632

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Thuế, phí, lệ phí,...
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, tiếp khách...

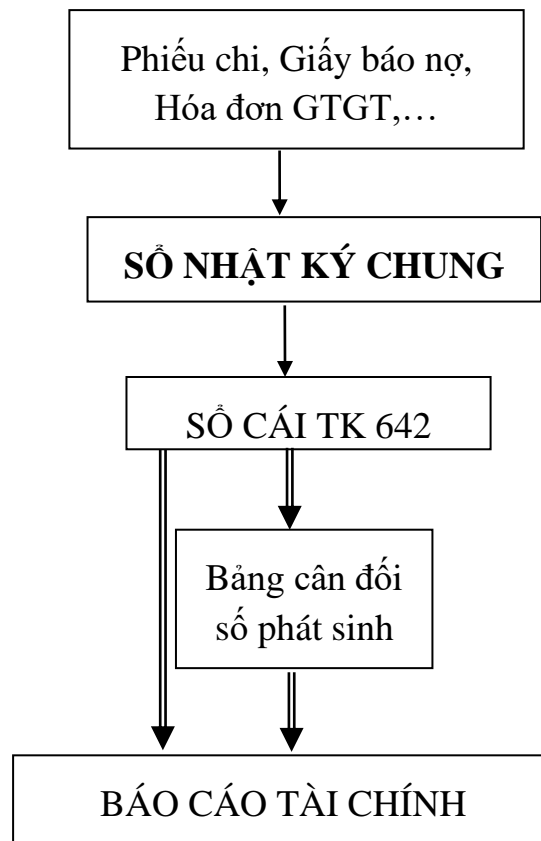
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...
- Các chứng từ khác liên quan,....

2.2.3.3. Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.

2.2.3.4. Quy trình hạch toán.



Sơ đồ 2.6 - Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Chú thích:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇒


Ví dụ 5: Ngày 05/12/2016 thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2016 căn cứ hóa đơn viễn thông (biểu số 2.11), phiếu chi số 15/12 (biểu số 2.12) và các chứng từ liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 1.590.909

Nợ TK 133: 159.091

Có TK 111: 1.750.000

Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) và sổ cái (biểu số 2.14)

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Mẫu số:01GTKT2/001	
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu(Serial No):AA/16P			
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)Số (No): 0000068					
MST:					
Viễn thông: VNPT Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Tên khách hàng: Công ty TNHH Mai Hương.					
MST: 0200805763					
Địa chỉ: thôn Kiều Đông- xã Hồng Thái- huyện An Dương - TP Hải Phòng.					
Số điện thoại (Tel): (031) 3670008					
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Kỳ cước tháng:T11/2016 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				1.590.909 0 0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					1.590.909
Thuế suất GTGT					159.091
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)					1.750.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.					
				Ngày 05 tháng 12 năm 2016	
Người nộp tiền ký				Nhân viên giao dịch ký	

Biểu số 2.11. Hóa đơn viễn thông.

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương.

Mẫu số:02-TT

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái,AD, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 12 năm 2016

Số:15 /12

Nợ:642,133

Có:111

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoa.

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Lý do chi: Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 11/2016.

Số tiền: 1.750.000

Bằng chữ: Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.12 Phiếu chi số 15/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ: Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
	
PX07/12	6/12	Xuất kho bán 1050 đôi giày da cho Công ty TNHH Vỹ Thành.	632 156	477.500.000	477.500.000
				
PC15/12	05/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6422 133 111	1.590.909 159.091	1.750.000
				
UNC28	13/12	Chi toán tiền mua văn phòng phẩm	6422 133 112	5.000.000 500.000	5.500.000
				
		Cộng số phát sinh		200.474.771.277	200.474.771.277

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13 Trích sổ nhật ký chung.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh.

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
				
PC15/12	05/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	111	1.590.909	
				
PC09/12	19/12	Bảo dưỡng điều hòa	111	1.493.060	
				
		Cộng số phát sinh		1.838.639.640	1.838.639.640
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14 sổ cái TK 642 (trích)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH Mai Hương bao gồm các khoản lãi như: Lãi tiền gửi ngân hàng, từ các hoạt động kinh doanh,...

-...

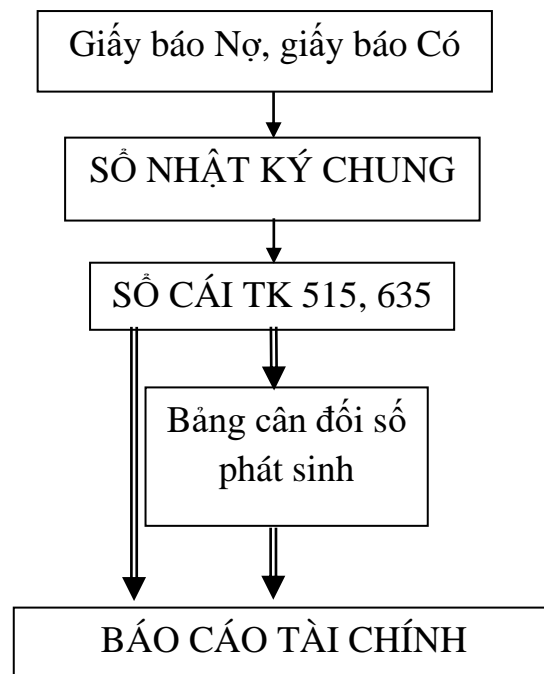
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có
- Phiếu trả lãi tài khoản

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

2.2.4.4. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán hoạt động tài chính

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ: Kiềm Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
				
PX07/12	6/12	Xuất kho bán 1050 đôi giày da cho Công ty TNHH Vỹ Thành.	632 156	477.500.000	477.500.000
				
PC15/12	05/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông.	642 133 111	1.590.909 159.091	1.750.000
				
UNC28	13/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	6422 133 112	5.000.000 500.000	5.500.000
GBC25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112 515	606.485	606.485
				
		Cộng số phát sinh		200.474.771.277	200.474.771.277

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16 Trích sổ nhật ký chung.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>số dư đầu kỳ</u>			
				
GBC25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		606.485
				
PKT31/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	19.319.820	
		Cộng số phát sinh		19.319.820	19.319.820
		<u>số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17 – Trích sổ cái TK 515.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Ví dụ 6b. Chi phí lãi vay.

Ngân Hàng A Châu

Chi nhánh: ACB- HAI PHONG

GIẤY BÁO NỢ/ DEBIT SLIP

Ngày 25/12/2016

Tên tài khoản: công ty TNHH Mai Hương

Mã số thuế: 0200504607

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau:

số tài khoản ghi NO: 1100098436

số tiền ghi bằng số: 10.250.367

số tiền bằng chữ: Mười triệu, hai trăm năm mươi nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng./.

Nội dung: chi phí lãi vay.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.18- GBN25/12 ngân hàng ACB

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ nhật ký chung.

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ: Kiềm Đông, Hồng Thái, AD,HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
...
PC16/12	07/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	6422	1.890.000	
PC16/12	07/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	111		1.890.000
...
GBN25/12	25/12	Chi lãi vay.	635	10.250.367	
GBN25/12	25/12	Chi lãi vay.	112		10.250.367
...
		Cộng phát sinh		200.474.771.277	200.474.771.277

Ngày 31/12/2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19 Trích sổ nhật ký chung

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Mẫu số S03b-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
				
GBN25/12	25/12	Chi lãi vay	112	10.250.367	
				
PKT31/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		1.328.300.280
		Cộng số phát sinh		1.328.300.280	1.328.300.280
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20 trích sổ cái TK 635

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016 không phát sinh thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH Mai Hương xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

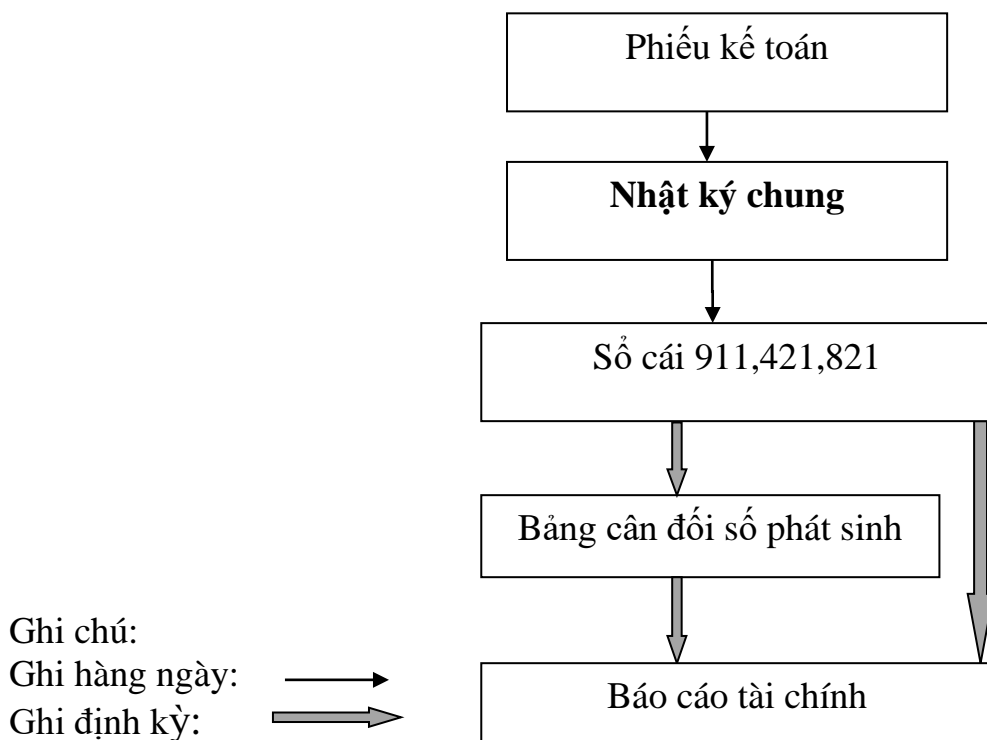
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

- TK 632 “ Giá vốn hàng bán”
- TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính ”
- TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ”
- TK 821 “ Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp ”
- TK 911 “ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh ”
- TK 421 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ”
- TK 711 “ Thu nhập khác ”
- TK 811 “ Chi phí khác ”

2.2.6.3. Quy trình hạch toán.



Sơ đồ 2.8 Quy trình xác định kết quả kinh doanh.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Ví dụ 7: Xác định kết quả kinh doanh năm 2016.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 39.966.346.542
- Giá vốn hàng bán : 31.654.265.416
- Doanh thu tài chính : 19.319.820
- Chi phí quản lý kinh doanh : 1.838.639.640
- Chi phí hoạt động tài chính : 1.328.300.280

Kết quả kinh doanh = 39.966.346.542 + 19.319.820 - 31.654.265.416 - 1.838.639.640 - 1.328.300.280 = 5.164.461.026

⇒ Trong năm 2016 doanh nghiệp đạt lợi nhuận trước thuế: 5.164.461.026 đ

⇒ Xác định thuế TNDN: 5.164.461.026 * 20% = 1.032.892.205 đ

⇒ Xác định lợi nhuận sau thuế: 5.164.461.026 - 1.032.892.205 = 4.131.568.821

⇒ **Kết quả kinh doanh năm 2016 của doanh nghiệp là Lãi.**

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương
Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 25/12

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.966.346.542	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	19.319.820	
911	Xác định kết quả kinh doanh		39.985.666.362
Tổng cộng		39.985.666.362	39.985.666.362

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21 phiếu kế toán số 25/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương
Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 26/12

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	33.492.905.056	
632	Giá vốn		31.654.265.416
642	Chi phí quản lý kinh doanh		1.838.639.640
Tổng cộng		33.492.905.056	33.492.905.056

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22 phiếu kế toán số 26/12.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 27/12

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
821	Chi phí thuế TNDN	1.032.892.205	
3334	Thuế TNDN		1.032.892.205
Tổng cộng		1.032.892.205	1.032.892.205

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23 phiếu kế toán số 27/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương
Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 28/12

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	1.032.892.205	
821	Chi phí thuế TNDN		1.032.892.205
Tổng cộng		1.032.892.205	1.032.892.205

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24 phiếu kế toán số 28/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương
Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 31/12

Đơn vị tính: đồng

Kết chuyển lãi năm 2016.

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	4.131.568.821	
421	Lợi nhuận chưa phân phối		4.131.568.821
Tổng cộng		4.131.568.821	4.131.568.821

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25 phiếu kế toán số 29/12

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ nhật ký chung

Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Kiêu Đông, Hồng Thái, AD, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
				
PKT25/12	31/12	K/c doanh thu bán hàng, hoạt động tài chính	511	39.966.346.542	
			515	8.312.081.126	
			911		48.278.427.668
PKT26/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh	911	33.492.905.056	
			632		31.654.265.416
			642		1.838.639.640
PKT27/12	31/12	Xác định thuế TNDN	821	1.032.892.205	
			3334		1.032.892.205
PKT28/12	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911	1.032.892.205	
			821		1.032.892.205
PKT31/12	31/12	K/c kết quả kinh doanh	911	4.131.568.821	
			421		4.131.568.821
		Tổng cộng		200.474.771.277	200.474.771.277

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26 trích sổ nhật ký chung.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ:Kiều Đông, Hồng Thái, An Dương, HP

SỔ CÁI

Tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
	
PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		39.966.346.542
		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		19.319.820
PKT 26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	31.654.265.416	
		Kết chuyển chi phí tài chính	635	1.328.300.280	
		Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.838.639.640	
PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	1.032.892.205	
PKT 31/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	4.131.568.821	
		Cộng SPS		39.985.666.362	39.985.666.362
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27 sổ cái TK911.

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Trích sổ cái tài khoản 821

Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH Mai Hương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày

Địa chỉ: Kiêu Đông, Hồng Thái, AD, HP

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
821 – Chi phí thuế TNDN
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT28/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	1.032.892.205	
31/12	PKT29/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		1.032.892.205
			Cộng SPS		1.032.892.205	1.032.892.205
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28:Sổ cái TK 821

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

Mã số thuế: 0200504607

Mẫu số: B02-DN

Tên cơ sở kinh doanh: Công ty TNHH Mai Hương

Địa chỉ: Kiều Đông, Hồng Thái, AD, HP

Ngành nghề: gia công, sản xuất giày dép

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
ĐẾN 31/12/2016

Chỉ tiêu	MS	Năm 2015	Năm 2016
Tổng doanh thu	01	90.645.022.000	39.966.346.542
Trong đó: dt hàng xuất khẩu	02		
Các khoản giảm trừ(04+05+06+07)	03		
+ Chiếu khấu	04		
+ Giảm giá	05		
+ Hàng bán bị trả lại	06		
+ Thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp	07		
1. Doanh thu thuần	10	90.645.022.000	39.966.346.542
2. Giá vốn hàng bán	11	74.660.521.526	31.654.265.416
3. Lợi nhuận gộp	20	15.984.500.474	8.312.081.126
4. Chi phí bán hàng	21	-	-
5. Chi phí quản lý kinh doanh	22	3.026.321.011	1.838.639.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính		15.900.000	19.319.820
6. Chi phí hoạt động tài chính	32	2.086.000.000	1.328.300.280
7. Tổng lợi nhuận trước thuế	60	10.888.079.463	5.164.461.026
8. Thuế TNDN phải nộp	70	2.177.615.893	1.032.892.205
9. Lợi nhuận sau thuế	80	8.710.463.570	4.131.568.821

Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2017

Biểu số 2.29 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Mai Hương)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG.

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Hương.

Trong suốt thời gian tồn tại và phát triển của công ty, bộ máy kế toán của công ty đặc biệt là kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn là công cụ trợ giúp đắc lực, hữu hiệu cho các nhà quản trị. Bộ máy kế toán đã không ngừng được cải tổ, hoàn thiện để nâng cao hiệu quả lao động cũng như luôn cố gắng để đưa ra được những số liệu chính xác phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp giúp các nhà quản trị có những quyết định và chiến lược kinh doanh hợp lý, hiệu quả.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với những quan sát và tìm hiểu của mình, tuy khả năng còn hạn chế, song với kiến thức đã học tại trường em xin đưa ra một vài nhận xét của mình về công tác kế toán chung và công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm.

* Về bộ máy kế toán.

- Đội ngũ kế toán viên trẻ năng động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng vi tính thành thạo làm việc có tinh thần trách nhiệm cao và luôn phối hợp với nhau để công việc đạt hiệu quả cao nhất.

- Phòng kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận và các phòng ban khác trong công ty nhằm đảm bảo các dữ liệu ban đầu được cập nhật kịp thời, chính xác và đảm bảo sự luân chuyển chứng từ theo đúng chế độ.

- Việc tổ chức bộ máy kế toán như hiện nay đảm bảo sự thống nhất đối với công tác kế toán, giúp cho kế toán phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình.

* Về hình thức kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung với ưu điểm: dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ áp dụng và phát hiện sai sót, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng phù hợp biểu mẫu nhà nước quy định, trình tự luân chuyển hợp lý.

* Vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính (Hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) về việc áp dụng chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời trong quá trình hạch toán, công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

* Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Bên cạnh những ưu điểm đó, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:

- Tại Công ty TNHH Mai Hương gia công rất nhiều mặt hàng giày dép khác nhau về mẫu mã, xuất xứ... Trong khi đó, kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng hóa từ đó gây khó khăn cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn riêng của từng loại hàng hóa và xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Mặt khác, công ty cũng không mở sổ chi tiết cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng tài khoản này.

- Trình độ của cán bộ, nhân viên trong phòng kế toán nhìn chung khá cao nhưng một số người còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp nên việc xử lý số liệu còn chậm và có khi còn mắc sai sót.

- Công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty....

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Mai Hương.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

** Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty.*

Hiện nay khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (sổ nhật ký chung, sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp. Bên cạnh đó, công ty cũng nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán thường xuyên theo dõi được liên tục các khoản chi phí phát sinh.

Căn cứ vào sổ chi tiết hàng bán và sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632, ta xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

Đơn vị : Công ty TNHH Mai Hương.

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ : thôn Kiều Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương, HP. (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BT ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm: 2016

Mặt hàng: giày vải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212,
		SDDK						
...
HD0002470	07/12	Doanh thu bán giày vải cho công ty TNHH LICHÍ.	1111	50	320.000	16.000.000		
HD0002473	07/12	Doanh thu bán giày vải cho công ty XNK Hòa Phong	111	175	320.000	56.000.000		
....
		Công SPS		36.972		11.831.085.992		

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Đơn vị : Công ty TNHH Mai Hương.

Địa chỉ : thôn Kiều Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương,
HP.

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BT ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm: 2016

Mặt hàng: giày vải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
SH	NT				SL	TT
...
PX08/12	08/12	Giá vốn bán giày vải cho công ty TNHH LICHÍ.	156	270.000	50	13.500.000
PX09/12	08/12	Giá vốn bán giày vải cho công ty XNK Hòa Phong	156	270.000	175	47.250.000
...
		Cộng SPS				9.533.764.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị : Công ty TNHH Mai Hương.

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ : thôn Kiều Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương, HP. (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BT ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2016

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Chi phí quản lý kinh doanh	Lợi nhuận thuần từ HĐKD
	(1)	(2)	(3)	(4=1-2-3)
Giày vải	11.831.085.992	9.533.764.794	544.285.520	1.753.035.678
Giày da	28.135.260.550	22.120.500.622	1.294.354.120	4.720.405.808
...
Tổng cộng	39.966.346.542	31.654.265.416	1.838.639.640	6.473.441.486

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

* Sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình. Giúp doanh nghiệp xây dựng bộ máy sổ sách kế toán rõ ràng, minh bạch và khoa học ngay từ đầu. giúp chủ doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát chi phí đầu tư ban đầu đã bỏ ra.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán, chúng ta cùng điếm qua một vài phần mềm được cho là thuận tiện nhất:

➤ **Phần mềm kế toán FOMANAS.**

- Phù hợp với tất cả các công ty, đáp ứng đủ các loại hình: Thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất
- Có thể làm cho nhiều công ty, nhiều loại hình, tiện ích cho cả các đơn vị làm dịch vụ kế toán, cá nhân làm kế toán.
- Xử lý số liệu tốc độ nhanh, chính xác: sử dụng cơ sở dữ liệu SQL Server; có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN; Sao lưu dữ liệu để dự phòng, khôi phục dữ liệu để đảm bảo an toàn.
- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính qua HTKK 3.X, theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra...
- Giao diện dễ nhìn dễ sử dụng, thao tác ngắn gọn nhanh chóng ...
- Sẽ tư vấn, giới thiệu tận nơi miễn phí ...
- Phần mềm luôn cập nhật báo cáo, sổ sách kế toán theo quyết định, luật mới nhất

Giá cung cấp Phần mềm kế toán FOMANAS

- Công ty TM, DV: 3.000.000 - 5.000.000 VNĐ
- Công ty SX, XD: 4.000.000-7.000.000 VNĐ
- Cá nhân: 1.800.000 - 2.500.000 VNĐ

➤ **MISA SME.NET 2017**

- MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.
- MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

- Với hơn 21 năm kinh nghiệm trong việc sản xuất, cung cấp các phần mềm, MISA đã đạt nhiều thành tích, giải thưởng minh chứng cho chất lượng sản phẩm MISA. Hiện trên cả nước có hơn 155.000 khách hàng đang sử dụng hiệu quả các sản phẩm của MISA.

MISA đã đạt được chứng chỉ CMMi, ISO 9001 về Quản lý chất lượng và ISO 27000 về Hệ thống quản lý an ninh thông tin, bảo chứng cho việc sản phẩm và dịch vụ do MISA cung cấp có chất lượng tốt và an toàn bảo mật cao.

- Đây là một trong những sản phẩm đầu tiên ở Việt Nam cho phép đối tượng ngoài kế toán như thủ quỹ, thủ kho tham gia vào phần mềm, giúp tiết kiệm hơn 50% thời gian công việc của thủ quỹ, thủ kho.

- Chuẩn hóa quy trình của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian báo cáo mà không phải lo bị cơ quan thuế phạt vì báo cáo chậm trễ, số liệu chưa chính xác.

- Giúp kế toán trưởng có sẵn số liệu để cung cấp cho ban lãnh đạo, lãnh đạo doanh nghiệp có sẵn báo cáo để ra quyết định kịp thời.

- Đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, lãnh đạo doanh nghiệp luôn được cung cấp số liệu báo cáo nhanh chóng và dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng chi nhánh.

- Tự động sao lưu dữ liệu sau mỗi phiên làm việc, dễ dàng khôi phục lại dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có sự thay đổi nhân sự kế toán.

KẾT LUẬN

Sau thời gian được thực tập và tham gia vào công tác kế toán của Công ty TNHH Mai Hương, em đã tiếp thu được rất nhiều kiến thức thực tế và chuyên ngành kế toán theo học, bên cạnh đó cũng đã áp dụng và so sánh được giữa những lý thuyết học trong trường cùng thực tiễn làm việc trong công ty. Từ đó có thể thấy ngoài những kiến thức đã được học trong trường lớp còn phải cố gắng học hỏi thêm thật nhiều từ thực tế của những người đi trước.

Trên đây là những gì em đã học hỏi và tìm hiểu từ các anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH Mai Hương, em đã trình bày trong báo cáo một cách đầy đủ nhất.

Tuy nhiên, do thời gian thực tập có hạn, còn nhiều thiếu sót, ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung phân tích cũng như những nhận xét trong bài. Do vậy để hoàn thiện bài báo cáo em mong nhận được sự giúp đỡ và ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty TNHH Mai Hương, các cán bộ phòng tài chính kế toán của công ty. Em xin gửi lời biết ơn chân thành đến các thầy cô trong khoa, và cô ThS. Ninh Thị Thùy Trang đã giúp đỡ, chỉ dạy em nhiệt tình cũng như tạo điều kiện để em hoàn thành bài báo cáo tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2017

Sinh viên

Nguyễn Tuấn Anh